

Bản án số: 392/2025/DS-PT
Ngày: 31 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Ông Đinh Tiền Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Võ Quang Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2025/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 347/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp B xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Số D, đường B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là đường B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số nhà D, Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Long An (nay là Số nhà D, Ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà D, Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Long An (nay là Số nhà D, Ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh).

- Người kháng cáo: Bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà Q là chị dâu của bà.

Ngày 20/9/2021, bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 300.000.000 đồng, vay có lãi với lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay tiền là để bà H làm vốn làm ăn, bà Q có viết “Giấy mượn tiền” với bà H, bà Q và ông Nguyễn Văn K (chồng bà Q) cùng ký tên vào “Giấy mượn tiền”. Khi đến hạn trả tiền thì bà Q không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Bà Q có trả tiền vay cho bà H các lần như sau:

- Ngày 21/3/2022, bà Q trả cho bà H số tiền là 5.000.000 đồng.

- Ngày 13/5/2022, bà Q trả cho bà H số tiền là 6.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà Q trả cho bà H là 11.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà Q và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay còn nợ là 289.000.000 đồng.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn là bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn K không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2025/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Tây Ninh) đã căn cứ - Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu trả tiền vay, buộc bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay là 289.000.000 đồng (hai trăm tám mươi chín triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.225.000 đồng (bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010674 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 14.450.000 đồng (mười bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 14/04/2025, bị đơn bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do bà không có vay tiền của bà H, giấy nợ là do bà H nói bà và chồng bà là ông K ký để cho bà H đi vay tiền của người khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp, nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở cấp sơ thẩm.

Bị đơn bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q trình bày: Số tiền 300.000.000 đồng bà H đưa cho bà là để bà chơi tiền ảo trên mạng, bà đã trả cho bà H số tiền 42.000.000 đồng (22.000.000 đồng chuyển khoản nhiều lần và đưa trực tiếp ba2 H), bà không có vay tiền của bà H. Do trang Web bị sập không còn, bà đồng ý trả cho bà H 150.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Số tiền bà đưa cho bà Q là tiền vay, bà Q có trả cho bà 22.000.000 đồng (chuyển khoản), Tòa án cấp sơ thẩm đã trừ 11.000.000 đồng, nay bà đồng ý trừ thêm 11.000.000 đồng, bà Q còn nợ bà 278.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy:

Theo Bản tường trình ngày 04/4/2025 của bà Q cung cấp kèm theo đơn kháng cáo cho rằng: Vào ngày 14/9/2021 bà H đưa cho bà Q số tiền 100.000.000 đồng để nhờ bà Q đầu tư sinh lời trên trang Web Swiftonline, do trước đó bà H thấy bà Q đầu tư có lãi. Bà H thấy có lãi cao nên ngày 20/9/2021 bà H đưa tiếp cho bà Q 200.000.000 đồng.

Bà Q cho rằng sau khi trang Web trên bị sập ngày 30/9/2021 không vào được nên mất hết tiền. Hai bên bàn bạc, bà H đồng ý để bà Q chịu một nửa số tiền bị mất là 150.000.00 đồng nên ngày 01/10/2021 bà Q viết lại Giấy mượn tiền thể hiện số tiền bà Q mượn bà H 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, trên giấy vay tiền ngày 01/10/2021 không thể hiện số tiền 150.000.000 đồng bà Q vay bà H nằm trong ½ số tiền 300.000.000 đồng của Giấy vay tiền ngày 20/9/2021 và bà Q không cung cấp chứng cứ chứng minh.

Căn cứ Giấy mượn tiền đề ngày 20/9/2021 và Giấy cam kết của ông Nguyễn Văn K (chồng bà Q) thì bà Q mượn của bà H số tiền 300.000.000 đồng (lãi suất hai bên thỏa thuận). Bà H cho rằng khoản vay trên lãi suất là 1%/tháng, có kỳ hạn là 01 tháng, mục đích vay tiền là để bà Q làm vốn làm ăn, ông K (chồng bà Q) có viết và ký tên vào “Giấy mượn tiền” là người làm chứng.

Bà H thừa nhận bà Q trả cho bà H được hai lần tổng cộng là 11.000.000đ, nhưng đến nay thì không trả nữa. Xét thấy, bà Q, ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận giữa các bên. Do đó yêu cầu của bà H buộc bà Q, ông K liên đới trả cho bà Q số tiền 289.000.000 đồng là có cơ sở.

Đối với sao kê chuyển khoản từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/5/2022 bà Q cung cấp, tại phiên tòa bà H thừa nhận có nhận số tiền bà Q chuyển khoản ngày 27/01/2022 số tiền 1.000.000 đồng và ngày 21/02/2022 số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng là 11.000.000 đồng. Vì vậy cần trừ số tiền 11.000.000 đồng này vào số tiền 289.000.000 đồng bà H yêu cầu. Do đó buộc bà Q, ông K có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền 278.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm:

Bị đơn bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo liên quan đến nội dung kháng cáo của đương sự.

[3] Xét kháng cáo của bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q, thấy rằng:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày không thống nhất đối với số tiền 300.000.000 đồng.

Bà H cho rằng: Ngày 20/9/2021, bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 300.000.000 đồng, vay có lãi với lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay tiền là để bà H làm vốn làm ăn.

Bà Q cho rằng: Vào ngày 14/9/2021 bà H đưa cho bà Q số tiền 100.000.000 đồng để nhờ bà Q đầu tư sinh lời trên trang Web Swiftonline, do trước đó bà H thấy bà Q đầu tư có lãi. Bà H thấy có lãi cao nên ngày 20/9/2021 bà H đưa tiếp cho bà Q 200.000.000 đồng. Số tiền bà H đưa cho bà 300.000.000 đồng để bà tham gia chơi tiền ảo, sau khi trang Web trên bị sập ngày 30/9/2021 không vào được nên mất hết tiền, bà đã trả cho bà H 42.000.000 đồng, nay bà đồng ý trả cho bà H thêm số tiền 150.000.000 đồng.

[3.2] Căn cứ Giấy mượn tiền đề ngày 20/9/2021 và Giấy cam kết của ông Nguyễn Văn K (chồng bà Q) có đủ căn cứ xác định bà Q vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng. Bà Q cho rằng số tiền 300.000.000 đồng bà H đưa cho bà là để bà chơi tiền ảo trên mạng là không có căn cứ.

Số tiền bà H cho bà Q vay là 300.000.000 đồng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Q và ông K vắng mặt, bà H thừa nhận bà Q trả cho bà H số tiền 11.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà Q, ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 289.000.000 đồng là có cơ sở.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà Q trình bày đã trả cho bà H số tiền 42.000.000 đồng, bà H thừa nhận có nhận 22.000.000 đồng do bà Q chuyển khoản nên có căn cứ khấu trừ số tiền 22.000.000 đồng vào số tiền bà Q nợ bà H. Còn 20.000.000 đồng bà Q trình bày đưa trực tiếp cho bà H nhưng không được bà H thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy số tiền bà Q còn nợ bà H là 300.000.000 đồng - 22.000.000 đồng = 278.000.000 đồng.

[3.3] Xét thấy, bà Q và ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận giữa các bên, nên yêu cầu của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 288, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc bà Q và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay còn nợ là 278.000.000 đồng. Bà Q và ông K còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay còn nợ nếu như chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bà Q và ông K phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền: 278.000.000 đồng x 5% = 13.900.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Tây Ninh).

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q và ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu trả tiền vay.

Buộc bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay là 278.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.225.000 đồng (bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010674 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Tây Ninh).

Bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 13.900.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đỗ Nguyễn Ngọc Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010922 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Tây Ninh).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là TAND khu vực 5, tỉnh Tây Ninh);
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh